

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Ken

Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng, Kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần: Ông Trần Văn Tấn – Thẩm phán sơ cấp Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại nhà nguyên đơn ông Trần Văn T xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt;

- Bị đơn: Bà Kim Thị T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là: Ông Kim Ngọc L, sinh năm 1960 và bà Kim Thị K, sinh năm 1963. Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, là người giám hộ của bà Kim Thị T1 do bà T1 bị Tòa án tuyên bố là người mất năng lực

hành vi dân sự theo Quyết định số 03/2022/QĐST-VDS ngày 30 tháng 8 năm 2022, vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Vào năm 2011, do quen biết trước và qua thời gian tìm hiểu nên ông và bà Kim Thị T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/6/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, nguyên nhân do bà T1 có triệu chứng mắc bệnh tâm thần nên thường ghen tuông vô cớ, đến tháng 10 năm 2017 thì bà T1 về nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã H, huyện T sinh sống. Hiện nay ông và bà T1 không còn sống chung với nhau đã lâu, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Kim Thị T1. Về con chung có 01 người con chung tên Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 19/01/2012, hiện con đang ở với ông, ông yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 7 năm 2022 ông Kim Ngọc L là cha ruột của bị đơn bà Kim Thị T1 trình bày: bà Kim Thị T1 đang sống chung với gia đình ông ở ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh từ năm 2017 cho đến nay. Trước đây, sau khi gã con vào năm 2011 thì Kim Thị T1 về bên chồng ở ấp C, xã H, huyện T sinh sống, đến năm 2017 thì con rể là Trần Văn T có đưa bà T1 về gửi cho vợ chồng ông, bà chăm sóc do Kim Thị T1 có dấu hiệu bị bệnh tâm thần nên không tiếp xúc được, cũng chính từ đó mà chuyện vợ chồng cũng thường xảy ra lục đục. Do Kim Thị T1 có dấu hiệu bị bệnh tâm thần không tiếp xúc được với ai, thấy vậy ông, bà mới nhập hộ khẩu Kim Thị T1 về ấp T, xã H và nhận chăm sóc, sau khi đưa Kim Thị T1 về nhờ ông, bà chăm sóc thì ông Trần Văn T cũng không qua lại cho đến nay. Hàng ngày Kim Thị T1 không muốn tiếp xúc ai, không nhận ra cha mẹ, người thân, thường thì không chịu ở trong nhà mà ra gốc cây ngồi một mình, đôi lúc còn chửi luôn cả vợ chồng ông bà, nhất là khi thấy ông Trần Văn T thì càng căng thẳng hơn, không kìm chế được cảm xúc, chửi càng nhiều hơn. Gia đình cũng có đưa Kim Thị T1 đi bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh khám vào năm 2018, kết quả chuẩn đoán Kim Thị T1 bị bệnh tâm thần phân liệt, có uống thuốc nhưng vẫn không hết cho đến nay. Với tình trạng sức khỏe hiện nay của bà Kim Thị T1 và thời gian sống ly thân giữa các con cũng đã lâu (khoảng gần 05 năm) nên ông nghĩ khả năng đoàn tụ là rất khó.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết người giám hộ của bị đơn bà Kim Thị T1 là ông Kim Ngọc L và bà Kim Thị K trình bày: Ông, bà thống nhất với yêu cầu của ông Trần Văn T về việc yêu cầu được ly hôn với bà Kim Thị T1. Về con chung thống nhất với yêu cầu của ông T giao cháu Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 19/01/2012 cho ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông, bà cũng không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho bà T1. Về tài sản chung, nợ chung thống nhất với ý kiến của ông T trong quá trình chung sống giữa ông T và bà T1 không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 19/01/2012 trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn thì con muốn ở với cha.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Trần Văn T tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà Kim Thị T1 bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự có người giám hộ làm đại diện tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Ông Trần Văn T và bà Kim Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của ông Trần Văn T và bà Kim Thị T1 là hợp pháp. Sau kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T1 có triệu chứng mắc bệnh tâm thần nên thường ghen tuông vô cớ, đến tháng 10 năm 2017 thì bà T1 được đưa về nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã H, huyện T sinh sống. Hiện nay ông T và bà T1 không còn sống chung với nhau đã lâu, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành. Trong suốt quá trình tố tụng, ông Trần Văn T cương quyết ly hôn, do hôn nhân đã đến mức trầm trọng, còn người giám hộ của bà T1 là ông L, bà K thống nhất với yêu cầu của ông T về yêu cầu ly hôn với bà T1 và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, từ đó yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, giao cháu Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 19/01/2012 cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tiên. Về cấp dưỡng cho bà T1, do ông L và bà K không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung các bên không tranh chấp và không yêu

cầu nên không xét. Từ đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho người giám hộ của bị đơn các văn bản tố tụng từ khi thụ lý, tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ và hòa giải, xét xử theo Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người giám hộ của bị đơn bà Kim Thị T1 là ông Kim Ngọc L và bà Kim Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Ông Trần Văn T và bà Kim Thị T1 xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 11/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của ông T và bà T1 là hợp pháp. Sau kết hôn, ông T và bà T1 chung sống có một người con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc nhưng được khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn được ông Kim Ngọc L là cha ruột bà T1 xác nhận là có thật, theo ông L thì vợ chồng bà T1 và ông T không có khả năng đoàn tụ do ly thân đã lâu. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên, thuyết phục để tạo điều kiện cho ông T và bà T1 hàn gắn, đoàn tụ nhưng không đạt kết quả do ông T cương quyết ly hôn, còn bà T1 bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự và người giám hộ của bà T1 là ông L, bà K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt có nội dung đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T1 đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ly thân gần 05 năm nay có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà T1.

[3] Về con chung: tên Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 19/01/2012 hiện đang sống với ông T. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu T2 có nguyện vọng sống chung bên cha, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp theo nguyện vọng của cháu T2) ông T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng cho bà T1: do ông L và bà K không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu ly hôn đối với bà Kim Thị T1.

Cho ông Trần Văn T được ly hôn với bà Kim Thị T1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 19/01/2012 cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu T2).

Về cấp dưỡng ông T không có yêu cầu nên không giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về cấp dưỡng cho bà T1: do ông L và bà K không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số 0009685 ngày 15/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Kim Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã H, huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc